

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày 08 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Minh Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Ngàn và ông Bùi Xuân Hưởng

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Anh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2025/TLST- HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 7 năm 2025, Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số 01/2025/QĐ-TA ngày 06 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Võ Minh T, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01/01/1988 tại huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); Nơi đăng ký HKTT: Tổ E, phường K, thành phố L (nay là phường L), tỉnh Lào Cai; nơi ở: Số nhà A, đường T, tổ E, phường K, thành phố L (nay là phường L), tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Tiến H và bà Nguyễn Thị S; có vợ là Trần Thị Thanh H1 và 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 12/7/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam số 1 công an tỉnh L. Có mặt.

Người bị hại: Công ty Cổ phần T10, địa chỉ: Đường Đ, khu T, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai (nay là phường L, tỉnh Lào Cai).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị H2, Giám đốc công ty, địa chỉ: Tổ B C, phường L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 01/08/2020, Võ Minh T (sinh năm 1988, nơi thường trú: Tổ E, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai) được Công ty Cổ phần T10 (Địa chỉ: Đường Đ, khu T, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai) nhận vào làm việc. Sau đó, giữa Võ Minh T và Công ty Cổ phần T10 ký hợp đồng thuê T làm nhân viên và phân công làm tại vị trí nhân viên lái xe trả hàng với nhiệm vụ cụ thể như sau:

(1) Thực hiện đúng các quy định về an toàn giao thông, đảm bảo an toàn cho người, xe và hàng hóa trên đường.

(2) Bảo quản và giữ gìn xe.

(3) Luôn kiểm tra xe, sửa chữa xe khi có sự cố hư hỏng.

(4) Tiết kiệm tối đa xăng dầu, báo cáo mức sử dụng nhiên liệu theo tuyến khi vượt mức quy định.

(5) Nhận, kiểm đếm hàng hóa, hóa đơn đi đường.

(6) Kiểm tra đối chiếu đơn hàng về số lượng hàng hóa và tổng tiền phải thu; Giao hàng và thu tiền khách hàng nộp lại thủ quỹ của Công ty sau khi kết thúc quá trình giao hàng.

(7) Không được tự ý cho khách hàng nợ tiền khi chưa có sự đồng ý của Công ty.

(8) Có thái độ đúng mực với khách hàng.

(9) Giữ bí mật nội dung công việc.

(10) Báo cáo kịp thời khi có sự cố xảy ra.

(11) Thực hiện các công việc khác khi có yêu cầu.

Ngày 04/12/2021, Võ Minh T thực hiện nhiệm vụ lái xe - giao hàng đến địa bàn phường K theo sự phân công của lãnh đạo Công ty. Khi đó, Võ Minh T đến bộ phận văn phòng của Công ty để lấy các phiếu xuất kho tổng hợp do bộ phận kế toán đã lập sẵn. Bộ phận kế toán gồm có: (1) Chị Đỗ Thị Tuyết N (Sinh năm 1984, nơi thường trú: Thôn Y, xã M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái) là Kế toán nội bộ chịu trách nhiệm lập phiếu xuất kho của kho M; (2) Chị Nguyễn Thị V (Sinh năm 1996, nơi thường trú: Tổ A, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai) là Admin kho T11 và kho nước giặt nước rửa chén được lãnh đạo Công ty phân công lập phiếu xuất kho tổng hợp đối với kho T11 và kho nước giặt - nước rửa chén; (3) Chị Hoàng Thị Lan A (Sinh năm 1993, nơi thường trú: tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái) là Admin kho P&G được lãnh đạo Công ty phân công lập phiếu xuất kho tổng hợp đối với P.

Sau khi lấy được phiếu xuất kho tổng hợp, Võ Minh T đến liên hệ với chị Phạm Thị H3 (Sinh năm 1990, nơi thường trú: Tổ A, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai) là Thủ kho Masan; chị Nguyễn Thị Huyền A1 (Sinh năm 1994, nơi thường trú: Thôn V, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai) là Thủ kho T12 và kho nước giặt - nước rửa chén và anh Lê Thanh L (Sinh năm 1985, nơi thường trú: Tổ H, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai) là T1 kho P để làm thủ tục xuất kho theo quy định. Võ Minh T cùng với anh Phạm Đức T2 (Sinh năm 1993, nơi thường trú: Tổ F, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai) là Phụ xe thực hiện việc đối chiếu, kiểm đếm hàng hóa xuất ra từ từng kho hàng tương ứng và tiến hành bốc xếp hàng hóa lên xe ô tô để Võ Minh T vận chuyển tới từng khách hàng đã đặt mua. Sau khi đã thực hiện xong, các thủ kho và Võ Minh T đều ký vào Phiếu xuất kho tổng hợp (Bộ phận kế toán đã lập sẵn và ký trước) và chuyển lại cho chị Đỗ Thị Tuyết N để bảo quản.

Số loại và giá trị hàng hóa của từng kho cụ thể như sau:

* Kho Masan: tổng giá trị xuất kho là **210.880.800 đồng** (Hai trăm mười triệu, tám trăm tám mươi nghìn, tám trăm đồng), được hưởng chiết khấu là **2.846.670**

đồng (Hai triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng). Số tiền Võ Minh T phải thu về là **208.034.130 đồng** (Hai trăm linh tám triệu, không trăm ba mươi tư nghìn, một trăm ba mươi đồng).

* Kho TH truemilk: tổng giá trị xuất kho là **29.471.448 đồng** (Hai mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng). Võ Minh T phải thu đủ số tiền này.

* Kho nước giặt - nước rửa chén: tổng giá trị là **1.972.000 đồng** (Một triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Võ Minh T phải thu đủ số tiền này.

* Kho P&G có giao cho tôi các sản phẩm: tổng giá trị là **16.610.207 đồng** (Mười sáu triệu, sáu trăm mười nghìn, hai trăm linh bảy đồng), được chiết khấu là **2.145.156 đồng** (Hai triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, một trăm năm mươi sáu đồng). Số tiền Võ Minh T phải thu về là **14.465.051 đồng** (Mười bốn triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm năm mươi một đồng).

Giá trị hàng hóa khi Võ Minh T nhận xuất kho và phải nộp về Công ty là **253.942.629 đồng** (Hai trăm năm mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm hai mươi chín đồng).

Sau khi Võ Minh T đã nhận đủ số hàng hóa đã xuất kho, do thấy số lượng hàng hóa lớn nên lãnh đạo Công ty phân công thêm anh Trần Văn C (Sinh năm 1986, nơi thường trú: Tổ B, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai) là nhân viên lái xe - giao hàng thực hiện việc giao hàng và thu tiền giúp cho Võ Minh T.

Trong ngày 04/12/2021, Võ Minh T cùng với anh Phạm Đức T2 tiến hành việc giao hàng và thu tiền của những khách hàng (Võ Minh T là người trực tiếp thu tiền của khách hàng) cụ thể như sau:

1. Bà Đỗ Thị C1 (sinh năm 1956, nơi thường trú: Tổ E K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng tạp hóa tại địa chỉ số nhà A H, K, phường L với số tiền **1.068.000 đồng** (Một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

2. Anh Ngô Hồng H4 (sinh năm 1994, nơi thường trú: Tổ H B, phường C, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng tạp hóa Hàng H5 tại địa chỉ: E Đ, K, phường L với số tiền **259.200 đồng** (Hai trăm năm mươi chín nghìn hai trăm đồng). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

3. Chị Lê Thị Q - tên thường gọi là H6 (sinh năm 1974) là chủ cửa hàng T13 tại địa chỉ: B H, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền **27.118.400 đồng** (Hai mươi bảy triệu một trăm mười tám nghìn bốn trăm đồng). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

4. Ông Vũ Ngọc L1 (sinh năm 1964, nơi thường trú: Tổ E K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng T13 tại địa chỉ: B H, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền **23.057.000 đồng** (Hai mươi ba triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

5. Anh Phùng Văn T3 (sinh năm 1979) là chủ cửa hàng T13 tại địa chỉ: B K, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền **2.544.800 đồng** (Hai triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm đồng). Hình thức chuyển từ tài khoản số “101870375073”, mở

tại Ngân hàng V1 của anh T3 đến tài khoản cá nhân của Võ Minh T, số “7380131886888”, mở tại Ngân hàng M1.

6. Chị Hoàng Thị H7 (sinh năm 1987, nơi thường trú: Thôn L, xã C, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng tạp hóa tại địa chỉ: E Đ, phường K, thành phố L với số tiền **1.045.400 đồng** (*Một triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

7. Chị Doãn Thị H8 (sinh năm 1973, nơi thường trú: Tổ I K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng T13 tại địa chỉ: B H, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền **83.540.000 đồng** (*Tám mươi ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*). Hình thức chuyển khoản từ tài khoản số “37810000073342”, mở tại Ngân hàng B của chị Doãn Thị H8 đến tài khoản cá nhân của Võ Minh T, số “7380131886888”, mở tại Ngân hàng M1.

8. Bà Nguyễn Thị T4 (sinh năm 1964, nơi thường trú: Tổ B K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng tạp hóa tại địa chỉ: D H, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền **8.053.000 đồng** (*Tám triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

9. Bà Nguyễn Thị S1 (sinh năm 1968, nơi thường trú: Tổ A K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng tạp hóa tại địa chỉ: I M, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền **412.800 đồng** (*Bốn trăm mười hai nghìn tám trăm đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

10. Bà Trần Thị H9 (sinh năm 1971, nơi thường trú: Phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng tạp hóa tại địa chỉ: A L, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền là **2.684.700 đồng** (*Hai triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn bảy trăm đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

11. Chị Nguyễn Thị Y (sinh năm 1981, nơi thường trú: Tổ C K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng tạp hóa tại địa chỉ: G Lê Đại Hành K, phường L với số tiền là **8.884.500 đồng** (*Tám triệu tám trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

12. Chị Lê Thị C2 (sinh năm 1994, nơi thường trú: Tổ A K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng T13 tại địa chỉ: B L, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền là **2.780.480 đồng** (*Hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn bốn trăm tám mươi đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

13. Chị Nguyễn Hồng T5 (sinh năm 1980, nơi thường trú: Tổ I K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng tạp hóa Ươm Đ, địa chỉ: B H, phường L, tỉnh Lào Cai với tổng số tiền là **11.897.000 đồng** (*Mười một triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng*), trong đó **10.000.000 đồng** (*Mười triệu đồng*) được chuyển khoản từ tài khoản số “8810205124536”, mở tại Ngân hàng A4 của chị Nguyễn Hồng T5 đến tài khoản cá nhân của Võ Minh T, số “7380131886888”, mở tại Ngân hàng M1, số tiền còn lại là giao tiền mặt trực tiếp.

14. Bà Lê Thị H10 (sinh năm 1968, nơi thường trú: Tổ I K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng tạp hóa tại địa chỉ: A H, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền là **558.000 đồng** (*Năm trăm năm mươi tám nghìn đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

15. Bà Hoàng Thị T6 (sinh năm 1969, nơi thường trú: Tổ H K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ của hàng tạp hóa Tường A2 tại địa chỉ: A H, phường L với số tiền là **3.162.000 đồng** (*Ba triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

16. Chị Lã Hồng H11 (sinh năm 1974, nơi thường trú: Tổ B K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng tạp hóa tại địa chỉ: E - E H, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền là **7.570.001 đồng** (*Bảy triệu năm trăm bảy mươi nghìn, không trăm linh một đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

17. Bà Lê Thị L2 (sinh năm 1967, nơi thường trú: Tổ B K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng T13 tại địa chỉ: F H, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền là **11.570.000 đồng** (*Mười một triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

18. Bà Lương Thị N1 (sinh năm 1968, nơi thường trú: Tổ C K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng tạp hóa tại địa chỉ: B L, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền là **455.000 đồng** (*Bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

19. Chị Lê Thị T7 (sinh năm 1978) là chủ cửa hàng T13 tại địa chỉ: E Đ, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền là **882.000 đồng** (*Tám trăm tám mươi hai nghìn đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

20. Chị Phạm Thị C3 (sinh năm 1985, nơi thường trú: Tổ C K, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng T13 tại địa chỉ: H L với số tiền là **437.000 đồng** (*Bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

21. Chị Nguyễn Thị T9 (sinh năm 1987, nơi thường trú: Tổ F C, phường L, tỉnh Lào Cai) là chủ cửa hàng T13 tại địa chỉ: Chợ N, phường L, tỉnh Lào Cai với số tiền là **437.000 đồng** (*Bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng*). Hình thức giao tiền mặt trực tiếp.

Tổng số tiền hàng ngày 04/12/2021 Võ Minh T đã nộp lại cho Công ty là **116.126.348 đồng** (Một trăm mười sáu triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng), bao gồm:

- Số tiền mặt anh Trần Văn C đã nộp hộ là **30.506.000 đồng** (*Ba mươi triệu, năm trăm linh sáu nghìn đồng*);
- Số tiền mặt Võ Minh T nộp trực tiếp cho Công ty là **60.600.000 đồng** (*Sáu mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng*);
- Số sản phẩm nhập lại kho TH (Sữa các loại) với tổng giá trị là **1.128.792 đồng** (*Một triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng*);
- Số tiền công nợ của siêu thị M2 (T11) với tổng giá trị là **10.116.924 đồng** (*Mười triệu, một trăm mười sáu nghìn, chín trăm hai mươi tư đồng*);
- Số tiền công nợ chuyển lại cho nhân viên bán hàng hãng P có tổng giá trị là **1.493.000 đồng** (*Một triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng*);
- Số tiền mà anh Phạm Đức T2 nộp thay cho Võ Minh T (Do anh Phạm Đức T2 hỗ trợ Võ Minh T thu tiền của khách hàng trong ngày 04/12/2021) là **12.000.000 đồng** (*Mười hai triệu đồng*);

- Số tiền mà Công ty T10 xuất bán trực tiếp cho khách lẻ tại Công ty (Hàng hóa này được tính vào công nợ cho Võ Minh T) là **281.632 đồng** (Hai trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng).

Đối với số tiền Võ Minh T giao hàng cho các đại lý ngày 04/12/2021 nhưng không nộp về Công ty là **137.816.281 đồng** (Một trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm mười sáu nghìn, hai trăm tám mươi một đồng). Sau khi Võ Minh T nhận được số tiền **137.816.281 đồng** thanh toán hàng hóa từ khách hàng, lợi dụng quyền hạn được công ty giao thu và quản lý số tiền trên để nộp về công ty theo quy định, Võ Minh T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền **137.816.281 đồng** để chi tiêu cá nhân hết, bỏ làm việc tại công ty và đi khỏi nơi cư trú.

Sau khi xảy ra sự việc, bà Hoàng Thị H2 (sinh năm 1957, nơi thường trú: Tổ B, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai) là Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T10 đã trình báo với Cơ quan điều tra về nội dung vụ việc và giao nộp: 01 (Một) tờ giấy, khổ A4, có ghi “Sổ công nợ chi tiết ngày 04/12/2021” của nhân viên Võ Minh T - NVGH 0896008023 (Có đóng dấu tròn đỏ của Công ty Cổ phần T10 tại góc tên bên trái); 03 (Ba) tờ giấy, khổ A4, có ghi “Phiếu xuất kho tổng hợp ngày 04/12/2021” của nhân viên Võ Minh T - NVGH 0896008023 tương ứng với ba kho là Kho M, T11 và Kho P&G (Có đóng dấu tròn đỏ của Công ty Cổ phần T10 tại góc tên bên trái); 01 (Một) tờ giấy, khổ A4, có ghi “Phiếu nhập hàng trả lại ngày 04 tháng 12 năm 2021”, nội dung thể hiện việc nhập lại sản phẩm của kho T11 (Có đóng dấu tròn đỏ của Công ty Cổ phần T10 tại góc tên bên trái); 01 (Một) tờ giấy, khổ A4, có ghi “Tổng hợp doanh số theo NV vận chuyển ngày 04/12/2021, nội dung thể hiện việc xuất kho các sản phẩm của nước giặt - nước rửa chén (Có đóng dấu tròn đỏ của Công ty Cổ phần T10 tại góc tên bên trái); 04 (Bốn) tờ giấy, khổ A5, có ghi “Phiếu bán hàng ngày 04/12/2021”, nội dung thể hiện bán các sản phẩm nước giặt - nước rửa chén (Có đóng dấu tròn đỏ của Công ty Cổ phần T10 tại góc tên bên trái); 01 (Một) tờ giấy, khổ A4, có ghi “Bảng kê thông tin khách hàng giao ngày 04/12/2021”, có nội dung thể hiện danh sách thông tin khách hàng mua sản phẩm ngày 04/12/2021 (Có đóng dấu tròn đỏ của Công ty Cổ phần T10 tại vị trí góc dưới bên trái); 27 (Hai mươi bảy) tờ giấy, khổ A5, có ghi “Phiếu giao nhận thanh toán” có nội dung thể hiện thông tin về tên khách hàng, địa chỉ, chủng loại, số lượng và giá trị sản phẩm; 01 (Một) tờ giấy, khổ A5, có ghi “Phiếu giao hàng”, ghi ngày 04/12/2021 nội dung thể hiện việc bán sản phẩm kho TH Truemilk cho “khách lẻ” (Có đóng dấu tròn đỏ của Công ty Cổ phần T10 tại góc tên bên trái).

Cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 24/6/2025 của VKSND thành phố Lào Cai truy tố bị cáo Võ Minh T về tội “Tham ô tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, và xác nhận sau khi đã tiêu xài hết số tiền có được từ hành vi phạm tội, bị cáo không còn khả năng bồi thường thiệt hại nên đã tự ý nghỉ việc, không báo cho công ty sự việc trên.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền **137.816.281 đồng** và có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai trình bày lời luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Võ Minh T về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự; và Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Minh T với mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; tuyên trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, xin được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai (nay là khu vực 6 – Lào Cai), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Võ Minh T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, hiểu biết pháp luật, xã hội. Võ Minh T được công ty Cổ phần T10 ký kết hợp đồng với nhiệm vụ nhận, kiểm đếm hàng hóa, hóa đơn đi đường; Kiểm tra đối chiếu đơn hàng về số lượng hàng hóa và tổng tiền phải thu; Giao hàng và thu tiền khách hàng nộp lại thủ quỹ của Công ty sau khi kết thúc quá trình giao hàng (là người có chức vụ do hợp đồng). Nhưng do thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên vào ngày 04/12/2021, sau khi nhận tiền thanh toán hàng hóa của khách hàng bị cáo Võ Minh T đã không nộp tiền về công ty, lợi dụng vào quyền hạn được giao đã có hành vi chiếm đoạt số tiền **137.816.281 đồng** (*Một trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm mười sáu nghìn, hai trăm tám mươi một đồng*), mục đích để tiêu xài cá nhân. Đối với Hợp đồng lao động 03-20/HĐLĐ ngày 01/8/2020 giữa Công ty Cổ phần T10 với Võ Minh T, quá trình điều tra xác định chữ ký trên hợp đồng lao động không do Võ Minh T ký và viết ra. Tuy nhiên toàn bộ quá trình điều tra và tại phiên tòa Võ Minh T đều khai nhận khi xin vào làm việc tại công ty Cổ phần T10 có thỏa thuận hợp đồng bằng miệng với công ty và sau đó đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần T10, nội dung công việc được giao và nhiệm vụ, quyền lợi giống với nội dung hợp đồng do Công ty Cổ phần T10 cung cấp cho Cơ quan điều tra. Vì vậy việc xác định Võ Minh T là người đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần T10 và có trách nhiệm

quản lý số tiền đã thu của khách hàng và phải nộp lại thủ quỹ của công ty sau khi kết thúc quá trình giao hàng là hoàn toàn phù hợp.

Do đó bản Cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 24/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai) truy tố bị cáo Võ Minh T về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ về quyền sở hữu tài sản của cá nhân tổ chức được pháp luật bảo vệ nhưng vì vụ lợi cá nhân đã lợi dụng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là số tiền **137.816.281 đồng** (*Một trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm mười sáu nghìn, hai trăm tám mươi một đồng*) mà bị cáo có trách nhiệm quản lý, gây thiệt hại cho tổ chức là công ty Cổ phần T10.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại cho quan hệ sở hữu, làm tha hóa biến chất cán bộ có trách nhiệm quản lý tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Vì vậy cần phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải vì vậy cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 (Một) quyển sổ, bìa ngoài bằng giấy màu xanh, có ghi “Công ty Cổ phần T10 - Lô số 2, Khu T, P.D, thành phố L - MST: 5300319501 - Sổ quỹ tiền mặt”, bên trong có 55 (Năm mươi lăm) trang đã sử dụng (viết), do Công ty Cổ phần T10 giao nộp trong quá trình điều tra. Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị hại không có yêu cầu xin lại quyển sổ trên, đồng thời xác định quyển sổ đã rách nát không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với chị Đỗ Thị Tuyết N (sinh năm 1984) là Kế toán nội bộ, chị Nguyễn Thị V (sinh năm 1996) là A3 kho TH Truemilk và kho nước giặt - nước rửa chén; chị Hoàng Thị Lan A (sinh năm 1993) là Admin kho P; chị Phạm Thị H3 (sinh năm 1990) là Thủ kho Masan; chị Nguyễn Thị Huyền A1 (sinh năm 1994) là Thủ kho T12 và kho nước giặt - nước rửa chén và anh Lê Thanh L (sinh năm 1985) là Thủ kho P&G. Quá trình điều tra xác định, những người này chỉ thực hiện việc xuất - nhập kho đối với hàng hóa, không thực hiện việc giao nhận tiền đối với Võ Minh T, không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Võ Minh T, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Trần Văn C (sinh năm 1986) là nhân viên lái xe - giao hàng. Trong sáng ngày 04/12/2021, anh C được lãnh đạo Công ty phân công thực hiện việc giao hàng và thu tiền giúp cho Võ Minh T. Đến cuối ngày, anh Trần Văn C đã thực hiện xong công việc và nộp đủ số tiền đã thu của khách hàng là 30.506.000đ về Công ty. Quá trình điều tra xác định anh Trần Văn C không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Võ Minh T, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Phạm Đức T2 (sinh năm 1993) là phụ xe cùng với Võ Minh T. Quá trình điều tra xác định anh Phạm Đức T2 chỉ thực hiện công việc bốc xếp, vận chuyển và kiểm đếm hàng hóa cùng với Võ Minh T. Ngày 04/12/2021, Võ Minh T đã nhờ anh Phạm Đức T2 nộp giúp về Công ty số tiền 12.000.000 đồng, anh T2 đã nộp lại đủ số tiền này cho Công ty, ngoài ra anh Phạm Đức T2 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Võ Minh T, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với các chủ cửa hàng tạp hóa mà Võ Minh T đã tiến hành thu tiền thanh toán hàng hóa vào ngày 04/12/2021. Quá trình điều tra xác định các chủ cửa hàng tạp hóa đều đã thanh toán đầy đủ số tiền tương ứng với giá trị của hàng hóa thể hiện trên các phiếu giao nhận hàng (Bảng hình thức tiền mặt và chuyển khoản) và không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Võ Minh T, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L không đề cập xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt:

Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Võ Minh T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Minh T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 12/7/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) quyển sổ, bìa ngoài bằng giấy màu xanh, có ghi “Công ty Cổ phần T10 - Lô số 2, Khu T, P. D, thành phố L - MST: 5300319501 - Sổ quỹ tiền mặt”, bên trong có 55 (Năm mươi lăm) trang đã sử dụng (viết), do Công ty Cổ phần T10 giao nộp.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Võ Minh T phải bồi thường cho bị hại Công ty Cổ phần T10 số tiền **137.816.281 đồng** (Một trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm mười sáu nghìn, hai trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự

Về án phí:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 - Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Võ Minh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và **6.890.814 đồng (sáu triệu, tám trăm chín mươi nghìn, tám trăm mười bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.**

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh + KV 6;
- Bị cáo; Bị hại;
- Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Lào Cai;
- Thi hành án phạt tù;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Phòng PV 06-CA tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ + TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Minh Yên